

BẢN TIN PHỤC VỤ NHÂN DÂN



Chịu trách nhiệm xuất bản

Đ/c VŨ TIẾN ĐIỀN

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy
Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Ban Biên tập

CN. Đào Thị Lanh

Ths. Phan Duy Khiêm

CN. Nguyễn Thị Kim Dung

Chịu trách nhiệm phát hành

Phòng Thông tin - Tổng hợp
Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Bìa 1: Ủy viên dự khuyết BCH Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Tôn Ngọc Hạnh thông báo tới các đại biểu kết quả nổi bật của hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, tháng 1/2025 **Ảnh T.L**

* Giấy phép xuất bản số 03 GP-XBBT do Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Phước cấp ngày 04/6/2024.
In 1.700 cuốn, khổ 14 x 20 cm, 44 trang, tại Nhà in Bình Phước

MỤC LỤC

- * **HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH**
 - Người Bí thư tận tình vì dân.....Tr2
- * **BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG**
 - Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo...Tr3
- * **ĐƯA NGHỊ QUYẾT VÀO CUỘC SỐNG**
 - Kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng.....Tr9
 - Bình Phước: 22 chỉ tiêu phát triển.....Tr10
 - Nâng cao hiệu quả của tín dụng.....Tr11
- * **NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN**
 - Hơn 2.956 tỷ đồng thực hiện xây dựng...Tr16
 - Chính sách hỗ trợ sản xuất.....Tr18
- * **CHÍNH SÁCH - PHÁP LUẬT**
 - Quy định mới về mức hưởng.....Tr23
 - Chính sách thuế mới áp dụng.....Tr25
 - Người lao động cần biết những.....Tr26
- * **DÂN SỐ - PHÁT TRIỂN**
 - Chính sách dân số phát triển.....Tr29
- * **SỨC KHỎE - ĐỜI SỐNG**
 - Phòng, chống bệnh truyền nhiễm....Tr32
 - Phòng ngừa và kiểm soát đại dịch...Tr33
- * **AN NINH - TRẬT TỰ**
 - Chính sách mới về thay đổi.....Tr36
 - Cảnh báo chiêu trò lừa đảo mới.....Tr39
- * **HỢP THỦ VÀ CHỦ ĐỀ BẢN TIN...Tr40**

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

NGƯỜI BÍ THƯ TẬN TÌNH VÌ DÂN

Nhiều năm liên tục làm Bí thư chi bộ, trong đại hội chi bộ nhiệm kỳ 2020-2025, dù đã ở 73 tuổi đời, 52 năm tuổi Đảng, ông Trần Xuân Hạnh, thôn Phú Lâm, xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng vẫn tiếp tục đảm nhận vai trò Bí thư Chi bộ thôn. Với quan điểm “còn sức khỏe là còn tiếp tục cống hiến, tuổi cao phải làm gương sáng”, ông Hạnh không ngừng cống hiến trí lực xây dựng tổ chức Đảng và phục vụ nhân dân. Bằng những cống hiến không biết mệt mỏi, ông đã lãnh đạo Chi bộ thôn Phú Lâm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trở thành chi bộ điển hình học và làm theo tấm gương đạo đức phong cách Hồ Chí Minh cấp tỉnh giai đoạn 2023-2024.

Dù ở tuổi 73, ông Hạnh vẫn lách cách bên chiếc máy tính bàn cũ kỹ để soạn thảo những văn bản, báo cáo, kế hoạch. Theo ông Hạnh, việc học tập, nghiên cứu các tiến bộ công nghệ thời đại số không bao giờ là muộn. Là người đảng viên, cán bộ cơ sở cần phải làm gương trong việc “học, học nữa” để ứng dụng vào hoạt động của chi bộ cũng như đời sống sản xuất. Qua đó dẫn dắt quần chúng, nhân dân trên địa bàn cùng thực hiện các nhiệm vụ chính trị xã hội, phong trào thi đua.

Ông Hạnh bày tỏ quan điểm: một khi đã thề nguyện đứng vào hàng ngũ của Đảng thì phải thực hiện tốt nhiệm vụ của người đảng viên, học tập và làm theo tấm gương đạo đức phong cách Hồ Chí Minh đi trước dẫn đầu trong các phong trào, nhiệm vụ để quần chúng, làng nước theo sau. Cũng bởi đi trước mọi phong trào, từ hơn 15 năm về trước, ông đã tự nguyện hiến một phần diện tích gia đình để thôn Phú Lâm có vị trí xây dựng nhà văn hóa cộng đồng cho người dân địa phương có điểm hẹn hội họp, sinh hoạt. Hay trong các khoản đóng đạu nghĩa vụ với nhà nước, gia đình ông Hạnh luôn đi đầu danh sách.

Góp sức vào xây dựng nông thôn mới của xã, ông Hạnh đã cùng ban điều hành thôn vận động nhân dân hưởng ứng thu gom rác thải tập trung, xây lò đốt rác, xử lý rác tại nhà đến nay toàn thôn đã có

(Tiếp theo trang 8)

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

ĐỔI MỚI MẠNH MẼ PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Bàn về phương thức lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh hiện nay có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc đối với việc nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện và sức chiến đấu của Đảng trong kỷ nguyên mới-kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; trực tiếp liên quan đến đại hội đảng các cấp nhiệm kỳ 2025-2030, hướng đến Đại hội XIV của Đảng.

Nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của cách mạng Việt Nam

Phương thức lãnh đạo của Đảng có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong hoạt động lãnh đạo của Đảng; trực tiếp quyết định sứ mệnh lịch sử của Đảng trước nhân dân và dân tộc.

Sinh thời, Bác Hồ luôn dành sự quan tâm đến công tác xây dựng Đảng, đặc biệt là công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng; coi đây là công việc “gốc” của Đảng. Trong các bài viết, bài nói của mình, Người thường dùng thuật ngữ: Cách lãnh đạo, lề lối làm việc... để chỉ phương thức lãnh đạo của Đảng sao cho hiệu lực, hiệu quả và xác định đây là “con đường chính trị đúng” làm cho Đảng ta thật sự là đạo đức, là văn minh, trở thành đại biểu trung thành cho lợi ích của dân tộc.

Vận dụng lý luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Đảng ta trước thời kỳ đổi mới, thường dùng các khái niệm: Phương pháp lãnh đạo, phương pháp công tác, phong cách lãnh đạo, phong cách công tác hay lề lối làm việc của Đảng... để biểu đạt phương thức cầm quyền, lãnh đạo của mình; chủ yếu áp dụng đối với cá nhân cán bộ lãnh đạo, chưa đề cập đối với các tổ chức đảng.

Tại Hội nghị Trung ương 6, khóa VI (tháng 3/1989), Đảng ta chính thức dùng khái niệm “phương thức lãnh đạo của Đảng” với tư cách là tổng thể các cách thức, hình thức, phương pháp, quy chế, quy định, quy trình, lề lối làm việc... để tác động vào đối tượng lãnh đạo là Nhà nước và xã hội nhằm thực hiện thắng lợi Cương lĩnh, đường lối, các nghị quyết và các nội dung quyết sách lãnh đạo của Đảng.

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

Nội dung cốt lõi về phương thức lãnh đạo của Đảng lần đầu tiên được xác định ở Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991); được bổ sung, hoàn chỉnh qua các kỳ đại hội của Đảng thành các phương thức lãnh đạo chủ yếu, trở thành nội dung hoạt động lãnh đạo của Đảng: *Một là*, Đảng lãnh đạo bằng Cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; *Hai là*, Đảng lãnh đạo bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động; *Ba là*, Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị và bằng công tác tổ chức, cán bộ; *Bốn là*, Đảng lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát; *năm là*, Đảng lãnh đạo bằng hành động nêu gương của đảng viên.

Để triển khai các hoạt động lãnh đạo và đưa chủ trương, đường lối của Đảng vào cuộc sống, Đảng đồng thời sử dụng linh hoạt các hình thức, biện pháp, quy chế, quy định, quy trình, lề lối làm việc cụ thể, như: Tổ chức các hội nghị phổ biến nghị quyết; các cuộc giao ban giữa các cơ quan thuộc thẩm quyền; các cuộc làm việc và đối thoại giữa đại diện cấp ủy, tổ chức đảng; xây dựng và hoàn thiện quy chế làm việc của cấp ủy; xây dựng các quy chế phối hợp công tác giữa các tổ chức, cơ quan có liên quan; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết của Đảng và các hình thức thông tin khác...

Sau gần 40 năm Đảng khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội đã có nhiều đổi mới và ngày càng hoàn chỉnh. Trong đó, nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp và tính tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng cao. Đây là điều kiện bảo đảm quan trọng nhất để duy trì và thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ hoạt động hanh thông và đạt hiệu quả.

Một trong những điểm sáng nổi bật trong phương thức lãnh đạo của Đảng là luôn đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu, phát triển lý luận, cải cách hành chính, đổi mới phong cách, lề lối làm việc; xây dựng và từng bước hoàn chỉnh lý luận về đường lối đổi mới với sự quan tâm đúng mức, có nhiều điểm đột phá, làm cho Đảng gần dân, sống trong lòng dân tộc.

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

Trong nội dung, hình thức đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng thì đổi mới tổ chức bộ máy của Đảng được đặc biệt chú trọng, nhất là việc tinh gọn, bảo đảm hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy lãnh đạo của Đảng, tập trung vào sự sắp xếp, phân cấp, phân quyền ngày càng sát với chức năng, nhiệm vụ; phát huy tính chủ động, sáng tạo của các cấp ủy, tổ chức đảng, từng bước khắc phục tình trạng bao biện, làm thay hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo, quản lý. Chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên không ngừng được nâng lên, việc phân công, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ của Đảng vào các vị trí lãnh đạo, quản lý trong bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị ngày càng chặt chẽ. Công tác kiểm tra, giám sát được đẩy mạnh, góp phần siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng.

Vì vậy, đổi mới phương thức lãnh đạo đã trở thành vấn đề có tính quy luật, là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên, gắn chặt với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Nhờ đó, đã góp phần nâng cao năng lực cầm quyền, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, hiệu quả của Đảng đối với tất cả hoạt động của hệ thống chính trị và các lĩnh vực của đời sống xã hội; tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng; nâng tầm cao uy tín, vị thế của Đảng trong quan hệ quốc tế.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu, kết quả đạt được là cơ bản, rất đáng trân trọng và khích lệ, việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị vẫn còn những hạn chế nhất định cần phải khắc phục triệt để. Đó là, một số quan điểm, chủ trương, định hướng lớn và một số quyết sách của Đảng chưa được thể chế kịp thời, đầy đủ. Tình trạng ban hành nhiều văn bản chồng lấn nội dung, “nhờn” văn bản chưa được khắc phục; một số văn bản còn chung chung, dàn trải, chậm bổ sung, sửa đổi, thay thế chậm, hiệu quả không cao, gây vướng mắc, cản trở công tác thực hiện.

Một số cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị chưa thật chú trọng công tác phân cấp, phân quyền, kiểm tra, giám sát; chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong kiểm tra, giám sát của các cơ quan tham mưu, giúp việc, cấp dưới. Cải cách hành chính, đổi mới phong cách, lề lối làm việc trong Đảng chưa đáp ứng tốt các

yêu cầu, đòi hỏi cấp bách của tình hình mới...

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong kỷ nguyên phát triển mới

Thực tiễn khẳng định đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, gắn chặt với thực hiện Cương lĩnh, Điều lệ và các chủ trương, đường lối, quyết sách của Đảng. Đây là nội dung, nhiệm vụ cơ bản, hàng đầu, quyết định chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; bảo đảm cho Đảng gần dân, hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình trước nhân dân và dân tộc.

Đó cũng là yêu cầu, nhiệm vụ xuyên suốt đường lối của cách mạng Việt Nam trong 95 năm qua, đặc biệt có ý nghĩa trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên phấn đấu để nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045, khi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta chào mừng kỷ niệm 100 năm thành lập nước.

Để hiện thực hóa các mục tiêu, nhiệm vụ đã xác định; trên cơ sở bám sát thực tiễn, xu hướng phát triển của đất nước và thời đại, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta phải đồng thời làm nhiều việc. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm, then chốt, đóng vai trò quyết định là tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng trong kỷ nguyên phát triển mới, tập trung vào xây dựng cấp ủy đảng các cấp; đặc biệt là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XIV đủ sức lãnh đạo, đưa nước ta vững tin bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Đất nước ta đang đứng trước thời điểm lịch sử mới với thời cơ và vận hội mới có lợi cho sự phát triển của cách mạng. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vững tin bước vào kỷ nguyên mới sau 40 năm đổi mới thành công, đã giành những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử.

Yêu cầu đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng để đưa dân tộc ta tiếp tục tiến lên đang đặt ra cấp bách. Đây là một tất yếu khách quan, mệnh lệnh tối cao của cuộc sống, là nhu cầu tự thân phát triển của dân tộc, khát vọng vươn tới của hơn 100 triệu dân Việt Nam, tránh nguy cơ tụt hậu, mắc

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

vào 4 nguy cơ mà Đảng đã chỉ ra. Đây là phương thức duy nhất để đưa nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao, sánh vai với các cường quốc trên thế giới.

Để tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng, làm cho Đảng ta thật sự là người cầm lái vĩ đại, người kiến tạo và dẫn dắt dân tộc ta tiến lên mạnh mẽ, mỗi cán bộ, đảng viên, chiến sĩ cần thống nhất lập trường, quan điểm, nhận thức và thực hiện nghiêm phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong kỷ nguyên phát triển mới; tuyệt đối không để xảy ra tình trạng bao biện, làm thay hoặc buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng. Qua đó, thực hiện sự lãnh đạo toàn diện đất nước và chịu trách nhiệm trước nhân dân về mọi quyết sách, quyết định của Đảng trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cùng với đó, tập trung thực hiện thắng lợi cuộc cách mạng về thể chế, tinh gọn bộ máy của Đảng; làm cho Đảng thực sự là hạt nhân trí tuệ, là đội tiên phong lãnh đạo cơ quan Nhà nước. Xây dựng các tổ chức, cơ quan tham mưu của cấp ủy tinh gọn. Cán bộ tham mưu có đầy đủ đức và tài, có tín nhiệm cao, tinh thông nghề nghiệp và thông thạo công việc, tham mưu, đề xuất các quyết sách đúng và trúng, phù hợp, hiệu quả.

Nhờ đó, khắc phục được sự trùng lặp trong thực hiện nhiệm vụ, công tác quản lý, tránh tình trạng bao biện làm thay, hoặc tồn tại song trùng, hình thức. Đổi mới mạnh mẽ tác phong, lề lối làm việc theo hướng khoa học, chuyên nghiệp, với phương châm “đúng vai, thuộc bài”, làm cho “dân no, dân an, dân tin”.

Một trong những mắt xích quan trọng của việc đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng là quyết liệt đổi mới việc ban hành, học tập, quán triệt, triển khai và thực hiện thắng lợi nghị quyết của Đảng với tinh thần ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ tiếp thu, dễ làm; đúng và trúng yêu cầu, nhiệm vụ, sát thực tiễn, thiết thực và tính khả thi cao; đem lại niềm tin, sự phấn khởi và động lực thúc đẩy nhân dân hành động, quyết tâm đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Vì vậy, cần tập trung trí tuệ, bản lĩnh để xây dựng và kiện toàn tốt nhất các cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng, đảng viên thật sự là các “tế bào” và là “mạch máu” của Đảng.

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

Song hành với các công việc trên là tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác kiểm tra, giám sát, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các hoạt động lãnh đạo của Đảng; làm cho công tác này thật sự góp phần vào việc uốn nắn, điều chỉnh những biểu hiện lệch lạc, chệch hướng hoặc ngăn chặn những hành vi sai trái, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Tập trung chuyển đổi số trong công tác đảng, tạo sự kết nối thông suốt từ Trung ương tới cơ sở, thiết thực phục vụ hiệu quả công tác bảo vệ chính trị nội bộ, kết nối ý Đảng - lòng dân và xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, tiêu biểu, mẫu mực. *Theo qdnd.vn*

NGƯỜI BÍ THƯ TẬN TÌNH...

(Tiếp theo trang 2)

hơn 80% số hộ đã thực hiện thu gom rác tập trung, lò xử lý rác góp phần hạn chế rác thải ra môi trường. Vận động nhân dân đóng góp hơn 570 triệu đồng làm đường bê tông xi măng, nhà nước và nhân dân cùng làm tổng chiều dài là 1.900m. Hưởng ứng nhiệt tình các phong trào thi đua mà Bí thư chi bộ Trần Xuân Hạnh phát động, bà Vũ Thị Trúc, thôn Phú Lâm, xã Phú Trung, huyện Phú Riềng, chia sẻ: Ông Hạnh dù tuổi cao nhưng sức bền trong các phong trào hoạt động dành cho thôn thì luôn dẻo dai và bền bỉ. Ông Hạnh luôn chỉ đạo và trực tiếp sát sao xuống thôn, tập thể, quần chúng để cho tất cả hưởng ứng thực hiện.

Ông Đỗ Phước Long, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy xã Phú Trung, huyện Phú Riềng, đánh giá: Đồng chí Hạnh đã làm Bí thư chi bộ thôn Phú Lâm 3-4 nhiệm kỳ. Đồng chí luôn chịu khó học hỏi, nghiên cứu các tài liệu, văn bản cấp trên, xây dựng chi bộ lúc nào cũng vững mạnh. Riêng gia đình đồng chí luôn tiên phong gương mẫu trong các phong trào thi đua cũng như phát triển kinh tế hộ gia đình.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của chi bộ với người đứng đầu là Bí thư Trần Xuân Hạnh, thôn Phú Lâm đang từng ngày đổi mới, đời sống người dân nâng cao với thu nhập bình quân đầu người đạt hơn 70 triệu đồng/người, vượt mức bình quân chung của xã; khu dân cư đạt khu dân cư văn hóa.

Diệp Chi

ĐƯA NGHỊ QUYẾT VÀO CUỘC SỐNG

KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG TỈNH BÌNH PHƯỚC

Ngày 06/02/2025, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 41/KH-UBND về việc tổ chức các hoạt động kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng tỉnh Bình Phước (23/3/1975-23/3/2025). Theo đó, mục đích nhằm khẳng định vai trò, ý nghĩa lịch sử của chiến thắng ngày 23/3/1975: Trung tâm tỉnh lỵ Bình Long, nơi đặt bộ máy chính quyền đầu não của Mỹ - ngụy sụp đổ, tỉnh Bình Phước được giải phóng, làm tiền đề cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Ôn lại chặng đường đầy gian nan, thử thách nhưng rất tự hào, vẻ vang của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Bình Phước qua 50 giải phóng. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; động viên toàn Đảng, toàn quân và toàn dân tin tưởng vào sự nghiệp đổi mới, xây dựng, phát triển quê hương Bình Phước ngày càng giàu đẹp, văn minh.

Đồng thời tạo không khí vui tươi, phấn khởi trong toàn Đảng, toàn toàn dân và toàn quân tỉnh Bình Phước chào mừng kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng tỉnh Bình Phước và hướng tới Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các hoạt động kỷ niệm cần có sự tập trung thống nhất và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, ngành, đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện; đồng thời phải thiết thực, tiết kiệm, tránh lãng phí nhưng vẫn phát huy được hiệu quả.

Trong khuôn khổ kỷ niệm sẽ có các hoạt động thông tin, tuyên truyền như: Tổ chức họp báo công bố chuỗi các hoạt động kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng tỉnh Bình Phước (23/3/1975-23/3/2025); Tổ chức công bố biểu trưng (logo) tỉnh Bình Phước; vinh danh, tri ân tác giả và trao giải tuyển chọn ca khúc tiêu biểu về tỉnh Bình Phước; Tổ chức bình chọn và tuyên dương công dân Bình Phước ưu tú (50 người, trên tất cả các lĩnh vực, các địa bàn của tỉnh); Tổ chức hội chợ giới thiệu sản phẩm OCOP và nông nghiệp tiềm năng của tỉnh gắn với không gian văn hóa ẩm thực từ điều; Tổ chức thăm, tặng quà các bà Mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình chính sách trên địa bàn tỉnh...

ĐƯA NGHỊ QUYẾT VÀO CUỘC SỐNG

Lễ kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng tỉnh Bình Phước sẽ được tổ chức vào lúc 19 giờ 00 ngày 23/3/2025, tại Quảng trường 23 tháng 3, thành phố Đồng Xoài. VN

BÌNH PHƯỚC: 22 CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2025

Thông tin tại Nghị quyết số 27-NQ/TU, ngày 03/01/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh “về phương hướng nhiệm vụ và các chỉ tiêu trọng tâm năm 2025” đã đề ra 22 chỉ tiêu cơ bản cho kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 như sau:

- (1) Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) tăng 9% so với năm 2024.
- (2) GRDP bình quân đầu người đạt 123,18 triệu đồng, tăng 13,6% so với năm 2024.
- (3) Cơ cấu kinh tế: khu vực nông lâm thủy sản chiếm 22,74%, công nghiệp - xây dựng 47,46%, dịch vụ chiếm 29,80%.
- (4) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 44.500 tỷ đồng, tăng 15,6% so với năm 2024.
- (5) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh 13.538 tỷ đồng.
- (6) Kim ngạch xuất khẩu 5,1 tỷ USD, tăng 11,8% so với năm 2024.
- (7) Thành lập mới 1.000 doanh nghiệp và 25 hợp tác xã.
- (8) Thu hút đầu tư trong nước 1.000 tỷ đồng; thu hút đầu tư nước ngoài (FDI) 400 triệu USD.
- (9) Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới là 100% (không bao gồm 02 xã nằm trong khu vực khoáng sản Bô xít).
- (10) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 70%, tăng 12,31 điểm so với năm 2024.
- (11) Số bác sỹ trên vạn dân 10 bác sỹ; Số giường bệnh trên vạn dân 32 giường; Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng duy trì ở mức dưới 10%.
- (12) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế là 95%, tăng 1 điểm so với năm 2024.
- (13) Phấn đấu năm 2025 cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn hiện hành.
- (14) Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị duy trì dưới 3%.

ĐƯA NGHỊ QUYẾT VÀO CUỘC SỐNG

(15) Lao động được giải quyết việc làm trong năm 45.000 người, tăng 4,6% so với năm 2024.

(16) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%, tăng 3 điểm so với năm 2024.

(17) Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội là 45%, tăng 3 điểm so với năm 2024.

(18) Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, tăng 0,2 điểm so với năm 2024.

(19) Tỷ lệ che phủ rừng chung 71,7%, giảm 3,1 điểm so với năm 2024.

(20) Kết nạp 1.200 đảng viên mới.

(21) Phần đầu có ít nhất 80% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

(22) Mỗi tổ chức chính trị - xã hội có từ 90% tổ chức cơ sở đảng xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên

NKD

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CỦA TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

Vừa qua, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 341-KH/TU ngày 24/01/2025 thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW, ngày 30/10/2024 của Ban Bí thư về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới. Theo đó, mục đích nhằm quán triệt đầy đủ, sâu sắc nội dung Chỉ thị số 39-CT/TW nhằm nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân; nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu cấp ủy, tổ chức Đảng, các cơ quan, đơn vị, địa phương về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc thực hiện nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới; nâng cao ý thức tự giác chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội;

Kế hoạch đề ra các nhiệm vụ, giải pháp sau:

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung Chỉ thị số 39-CT/TW, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về hoạt động tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới.

ĐƯA NGHỊ QUYẾT VÀO CUỘC SỐNG

Tập trung phổ biến, tuyên truyền sâu rộng Chỉ thị số 39-CT/TW, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội và kế hoạch của Tỉnh ủy, nhằm tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động của cấp ủy, chính quyền các cấp, cán bộ đảng viên về vị trí, vai trò của tín dụng chính sách xã hội trong thực hiện phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Tăng cường công tác thông tin kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước về chính sách tín dụng ưu đãi đối với người nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách khác đến các tầng lớp nhân dân, đặc biệt những chính sách tín dụng ưu đãi mới thuộc vùng đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số, những địa phương có kết quả hoạt động tốt, các mô hình, cá nhân làm ăn kinh tế hiệu quả, để tuyên truyền nhân rộng.

Nâng cao vai trò của các cấp ủy, tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội đối với tín dụng chính sách xã hội

Xác định công tác tín dụng chính sách xã hội là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong triển khai quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của đơn vị, địa phương và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030. Cấp ủy, chính quyền các cấp lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động tín dụng chính sách xã hội là một trong những nhiệm vụ thường xuyên trong chương trình, kế hoạch của cấp mình, ngành mình; tăng cường phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội trong xây dựng, triển khai các chương trình tín dụng chính sách xã hội; đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, tiêu thụ sản phẩm; xây dựng và nhân rộng mô hình, điển hình sản xuất, kinh doanh giỏi, sử dụng vốn vay hiệu quả.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tiếp tục thực hiện tốt chức năng tuyên truyền, giám sát và phản biện xã hội, vận động quần chúng đối với việc xây dựng và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội. Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tiếp tục thực hiện tốt các hoạt động nhận ủy thác từ Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, nắm chắc tình hình sử dụng vốn của người

ĐƯA NGHỊ QUYẾT VÀO CUỘC SỐNG

vay; hướng dẫn việc bình xét đối tượng vay vốn công khai, minh bạch, dân chủ, không để xảy ra tiêu cực, trục lợi chính sách tín dụng xã hội; lồng ghép với các chương trình dự án của các tổ chức chính trị - xã hội; tư vấn, hướng dẫn và nhân rộng các mô hình sản xuất kinh doanh điển hình, các gương thoát nghèo vươn lên làm giàu. Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kêu gọi, vận động các nguồn lực hỗ trợ hộ nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới,... nhằm góp phần huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tín dụng chính sách xã hội.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra đối với hoạt động huy động, quản lý và sử dụng vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội, không được để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; phối hợp xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, vi phạm pháp luật; kiểm soát và phòng ngừa rủi ro có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán, hiệu quả hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Rà soát, bổ sung, hoàn thiện và triển khai thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách tín dụng chính sách xã hội cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác

Thường xuyên rà soát, đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách liên quan đến tín dụng chính sách xã hội nhằm phát huy, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn lực tín dụng chính sách xã hội; rà soát cơ chế, chính sách cho vay từ ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội làm cơ sở để sửa đổi, bổ sung quy chế, chính sách cho vay linh hoạt, mở rộng phạm vi, quy mô, đối tượng, nâng mức cho vay, thời hạn vay phù hợp với mục tiêu các chương trình mục tiêu quốc gia, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, khả năng cân đối ngân sách nhà nước, chu kỳ sản xuất, kinh doanh. Thực hiện mức ưu đãi cao nhất dành cho hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, tiếp đến là hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo, các đối tượng chính sách khác. Mức ưu đãi được điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế.

Rà soát, đánh giá hiệu quả chương trình tín dụng chính sách xã hội, lồng ghép tín dụng chính sách xã hội với các chương trình mục tiêu

ĐƯA NGHỊ QUYẾT VÀO CUỘC SỐNG

quốc gia, các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, chính sách an sinh xã hội; tăng cường chính sách hỗ trợ tín dụng đối với các hoạt động sản xuất theo chuỗi, liên kết hợp tác nhằm thay đổi phương thức sản xuất, tăng hiệu quả sử dụng vốn cho người nghèo.

Ưu tiên tập trung nguồn lực, đa dạng hóa các kênh huy động vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện có hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách xã hội

Thực hiện tập trung các nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và có tính chất ngân sách nhà nước vào Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để thực hiện có hiệu quả tín dụng chính sách xã hội. Hàng năm, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách trong kế hoạch trung hạn và hàng năm (bao gồm vốn đầu tư công, vốn đầu tư phát triển khác, kinh phí thường xuyên) cho Ngân hàng Chính sách xã hội; trong đó nguồn ngân sách nhà nước có tính chất ngân sách nhà nước là chủ đạo, nguồn ủy thác từ các địa phương là quan trọng để bổ sung nguồn vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác vay. Phấn đấu hàng năm, ngân sách địa phương ủy thác nguồn vốn để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác chiếm khoảng 15-20% tăng trưởng dư nợ tín dụng chung của Ngân hàng Chính sách xã hội và đến năm 2030 nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương chiếm 15% tổng nguồn vốn, góp phần hỗ trợ thực hiện một số hoạt động của các chương trình mục tiêu quốc gia; phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, ổn định sinh kế, hỗ trợ cải thiện nhà ở; phát triển các sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm; duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống; phát triển du lịch nông thôn. Quan tâm hỗ trợ cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn.

Tăng cường huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân có tiền gửi gửi vào Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; đẩy mạnh vận động đóng góp vào quỹ “Vì người nghèo” của tỉnh để huy động các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tự nguyện tham gia đóng góp bổ sung nguồn vốn cho tín dụng chính sách xã hội.

Nâng cao năng lực, hiệu quả tín dụng chính sách xã hội giai đoạn mới

ĐƯA NGHỊ QUYẾT VÀO CUỘC SỐNG

Duy trì và thực hiện hiệu quả mô hình tổ chức, phương thức quản lý tín dụng chính sách đặc thù, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới. Phát huy vai trò, trách nhiệm, nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Đại diện Hội đồng quản trị các cấp. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, sự tham gia, giám sát của trưởng thôn trong việc quản lý nguồn lực của Nhà nước đầu tư cho người nghèo, đối tượng chính sách, nâng cao chất lượng tín dụng.

Thường xuyên quan tâm, kiên trì thực hiện đồng bộ giải pháp nhằm duy trì, nâng cao chất lượng tín dụng, đảm bảo mục tiêu bảo toàn, phát triển vốn. Nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động tác kiểm tra, giám sát của Ban đại diện Hội đồng quản trị các cấp và kiểm tra kiểm soát nội bộ. Gắn hiệu quả hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm soát nội bộ với việc nâng cao khả năng cảnh báo sớm rủi ro. Phát hiện, xử lý kịp thời, triệt để sai sót, tồn tại phát sinh theo yêu cầu của các cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán. Chủ động phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động nhận ủy thác, ủy nhiệm đối với các tổ chức chính trị - xã hội cấp dưới, các tổ tiết kiệm và vay vốn; kiểm tra, nắm chắc tình hình sử dụng vốn của người vay.

Thực hiện tốt công tác xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan, tạo điều kiện để người vay tiếp tục đầu tư khôi phục sản xuất, tránh nguy cơ tái nghèo. Phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro, xử lý nợ bị rủi ro bảo đảm an toàn nợ, phù hợp với đặc thù, tính chất hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội. Đơn giản hóa trình tự, thủ tục vay vốn, đa dạng hóa sản phẩm, phát triển các loại hình dịch vụ phù hợp, hỗ trợ đem lại lợi ích cho người nghèo, các đối tượng chính sách khác.

Phối hợp với các sở, ngành, chính quyền địa phương gắn kết hiệu quả tín dụng chính sách xã hội với việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; các hoạt động chuyển giao khoa học và công nghệ; các chương trình khuyến nông, lâm, ngư nghiệp, tập huấn, đào tạo nghề; xây dựng mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, chương trình mỗi xã một sản phẩm nhằm phát huy hiệu quả sử dụng vốn.

Phát triển hệ thống công nghệ thông tin nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, hiện đại hóa ngành ngân hàng bảo đảm an ninh, an

(Xem tiếp trang 22)

NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN

HƠN 2.956 TỶ ĐỒNG THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2025

Đó là thông tin được nêu tại Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 24/1/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM) năm 2025 trên địa bàn tỉnh. Với mục đích là triển khai hiệu quả Chương trình MTQG XDNTM nhằm thúc đẩy phát triển bền vững khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh. Tập trung hoàn thành các chỉ tiêu XDNTM, duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí tại các xã đã đạt chuẩn, hướng tới XDNTM nâng cao, NTM kiểu mẫu. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, phát triển kinh tế nông thôn gắn với bảo tồn văn hóa, bảo vệ môi trường sinh thái và xây dựng cộng đồng dân cư văn minh, ổn định, là “nơi đáng sống, đáng đi về”.

Cũng tại Kế hoạch, UBND tỉnh đặt ra mục tiêu cụ thể đến hết năm 2025: phấn đấu có thêm 01 xã được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn NTM, lũy kế có 84/86 xã (*không thực hiện đối với xã Nghĩa Bình và xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng do 100% diện tích nằm trong quy hoạch khoáng sản theo Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1277/QĐ-TTg ngày 1/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt khu dự trữ khoáng sản quốc gia*). Phấn đấu có thêm 09 xã được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao. Phấn đấu 07 xã được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn NTM kiểu mẫu. Phấn đấu có thêm huyện Đồng Phú được Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện đạt chuẩn NTM và trình hồ sơ Trung ương thẩm định đạt chuẩn NTM đối với thị xã Chơn Thành, huyện Lộc Ninh và huyện Phú Riềng. Huyện Đồng Phú tiếp tục giữ vững và nâng chất các tiêu chí huyện NTM, đồng thời thực hiện các tiêu chí huyện NTM nâng cao. Đồng thời, tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống người dân ở nông thôn. Tập trung chỉ đạo và thực hiện phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn, hỗ trợ liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị bền vững với quy mô sản xuất hàng hóa lớn đối với các nhóm sản phẩm chủ lực. Tiếp tục triển khai thực

hiện có hiệu quả 06 Chương trình chuyên đề trong XDNTM. Tiếp tục thực hiện xây dựng khu dân cư NTM kiểu mẫu. Bình quân tiêu chí toàn tỉnh là 18,84/19 tiêu chí (*Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM*).

Để thực hiện đạt mục tiêu nêu trên, UBND tỉnh cũng đã đề ra 6 nội dung trọng tâm và 8 nhiệm vụ, giải pháp thực hiện. Trong đó, 8 nhiệm vụ, giải pháp thực hiện bao gồm: Nâng cao hơn nữa vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp và cả hệ thống chính trị trong xây dựng NTM, nhất là vai trò của người đứng đầu, phải phải xác định xây dựng NTM “có điểm khởi đầu, nhưng không có điểm kết thúc”. Tiếp tục hoàn thành các văn bản quy định, hướng dẫn triển khai thực hiện chương trình. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, tập huấn, nâng cao nhận thức cho cán bộ và người dân nông thôn về các nội dung mới, yêu cầu mới của chương trình; triển khai thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”.

Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và UBND cấp huyện căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình giai đoạn 2021-2025 tiếp tục xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chương trình năm 2025, lựa chọn nội dung, nhiệm vụ ưu tiên, tập trung chỉ đạo và bố trí đủ nguồn lực để thực hiện, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu; tập trung triển khai hiệu quả 6 chương trình chuyên đề trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng đời sống của người dân nông thôn và giải quyết các vấn đề tồn tại trong xây dựng NTM.

Thường xuyên kiện toàn bộ máy tổ chức thực hiện chương trình ở các cấp đồng bộ, thống nhất từ tỉnh đến địa phương (huyện, xã), ưu tiên bố trí đủ người có tâm huyết, đủ năng lực cho bộ máy tham mưu về xây dựng NTM. Nâng cao năng lực và kỹ năng cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM chuyên trách ngày càng chuyên nghiệp.

Tăng cường thực hiện hiệu quả các giải pháp huy động nguồn lực thực hiện chương trình. Các đơn vị, địa phương ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư cho địa bàn khó khăn, đảm bảo tập trung, hiệu quả tránh dàn trải, phân tán làm lãng phí nguồn vốn ngân sách; thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn; tăng cường vận động nguồn lực từ doanh nghiệp, các tổ chức.

Song song đó, tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chương trình ở các cấp, ngành. Có biện pháp phòng

ngừa, kịp thời ngăn chặn biểu hiện tiêu cực, lãng phí, xử lý nghiêm vi phạm trong quá trình thực hiện chương trình; phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức đoàn thể các cấp, vai trò chủ thể của người dân trong giám sát, phản biện về kết quả xây dựng NTM ở cơ sở. Tiếp tục và triển khai thực hiện xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu; khu dân cư NTM kiểu mẫu.

Nguồn lực thực hiện chương trình năm 2025 là hơn 2.956 tỷ đồng, trong đó: Vốn ngân sách nhà nước 303,577 tỷ đồng, bao gồm vốn ngân sách Trung ương và vốn ngân sách địa phương; vốn huy động khoảng 765 tỷ đồng; vốn lồng ghép khoảng 387,5 tỷ đồng; vốn tín dụng khoảng 1.500 tỷ đồng. **KD**

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP DO THIÊN TAI, DỊCH HẠI THỰC VẬT

Vừa qua, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 09/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật. Theo đó, Nghị định quy định nguyên tắc hỗ trợ như sau:

Nhà nước hỗ trợ một phần chi phí giống cây trồng, lâm nghiệp, vật nuôi, thủy sản, sản xuất muối hoặc một phần chi phí sản xuất ban đầu (*không phải đền bù thiệt hại*).

Thực hiện hỗ trợ kịp thời, trực tiếp bằng tiền hoặc bằng giống cây, con, hiện vật. Giống cây, con, hiện vật hỗ trợ phải đảm bảo chất lượng, phù hợp với điều kiện sinh thái và thực tế của địa phương.

Việc hỗ trợ phải công khai, minh bạch, đúng mức và đúng đối tượng.

Trường hợp có nhiều chính sách hỗ trợ cùng một nội dung, cùng một thời điểm, cơ sở sản xuất được nhận hỗ trợ một chính sách cao nhất.

Đối tượng hỗ trợ gồm: Cá nhân, hộ gia đình, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các cơ quan, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân (*không bao gồm các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang*) có hoạt động trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản, sản xuất muối (*sau đây gọi là cơ sở sản xuất*) bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật.

Mức hỗ trợ bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật

Nghị định quy định mức hỗ trợ đối với cây trồng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật như sau: Diện tích lúa: Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha; Sau gieo trồng từ trên 10 ngày đến 45 ngày: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha; Sau gieo trồng trên 45 ngày: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha; Diện tích mạ: Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha; Diện tích cây hằng năm khác: Giai đoạn cây con (*gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng*): thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha; Giai đoạn cây đang phát triển (*trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng*): thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha; Giai đoạn cận thu hoạch (*trên 2/3 thời gian sinh trưởng*): thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 7.500.000 đồng/ha; Diện tích cây trồng lâu năm: Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 12.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha; Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha; Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha; Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 60.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha.

Mức hỗ trợ đối với lâm nghiệp bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại

thực vật: Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác: thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha; Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi: thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 7.500.000 đồng/ha; Diện tích vườn giống, rừng giống: thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha; Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm: Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi: thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 40.000.000 đồng/ha, thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha. Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi: thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 60.000.000 đồng/ha, thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha.

Mức hỗ trợ đối với thủy sản bị thiệt hại do thiên tai (*bao gồm nuôi trồng thủy sản, sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản*): Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (*đâm/hâm*): hỗ trợ 60.000.000 đồng/ha diện tích nuôi bị thiệt hại; Nuôi trồng thủy sản trong bể, lồng, bè: hỗ trợ 30.000.000 đồng/100 m³ thể tích nuôi bị thiệt hại; Nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác: hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha diện tích nuôi bị thiệt hại.

Mức hỗ trợ đối với vật nuôi bị thiệt hại (*chết, mất tích*) do thiên tai: Gia cầm (*gà, vịt, ngan, ngỗng, bò câu*) đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ từ 15.000 đồng/con đến 30.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ từ 31.000 đồng/con đến 45.000 đồng/con; Chim cú đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ từ 3.000 đồng/con đến 5.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ từ 6.000 đồng/con đến 10.000 đồng/con; Lợn đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ từ 500.000 đồng/con đến 600.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ từ 610.000 đồng/con đến 1.500.000 đồng/con; lợn nái và lợn đực đang khai thác, hỗ trợ 3.000.000 đồng/con; Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi, hỗ trợ từ 2.000.000 đồng/con đến 4.000.000 đồng/con; bò sữa trên 6 tháng tuổi, hỗ trợ từ 4.100.000 đồng/con đến 12.000.000 đồng/con; Trâu, bò thịt, ngựa đến 6 tháng tuổi, hỗ trợ từ 1.500.000 đồng/con đến 3.000.000 đồng/con; trên 6 tháng tuổi, hỗ trợ từ 3.100.000 đồng/con đến 7.000.000 đồng/con; Hươu sao, cừu, dê, đà điểu: hỗ trợ từ

NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN

1.000.000 đồng/con đến 2.500.000 đồng/con; Thỏ đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ từ 30.000 đồng/con đến 50.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ từ 51.000 đồng/con đến 70.000 đồng/con; Ong mật (đàn): hỗ trợ từ 300.000 đồng/đàn đến 500.000 đồng/đàn.

Mức hỗ trợ đối với sản xuất muối bị thiệt hại do thiên tai (*bao gồm diện tích đang sản xuất hoặc diện tích có muối đã được tập kết trên ruộng*)

Diện tích sản xuất muối: thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha.

Trường hợp hỗ trợ bằng giống cây, con, hiện vật, mức hỗ trợ được quy đổi tương đương hỗ trợ bằng tiền theo giá tại thời điểm hỗ trợ.

Nguồn lực, nguyên tắc hỗ trợ kinh phí

Nguồn lực hỗ trợ gồm: Ngân sách trung ương; Ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Nguyên tắc hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương: Các địa phương nhận bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách trung ương: ngân sách trung ương hỗ trợ 80% mức ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 Nghị định này; Các địa phương có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách trung ương từ 20% trở xuống: ngân sách trung ương hỗ trợ 70% mức ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 Nghị định này; Các địa phương có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách trung ương từ trên 20% đến 60%: ngân sách trung ương hỗ trợ 50% mức ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 Nghị định này; Các địa phương còn lại do ngân sách địa phương đảm bảo; Tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách trung ương quy định tại các điểm a, b, c, d khoản này được xác định theo Nghị quyết của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương hằng năm.

Trường hợp phần ngân sách địa phương đảm bảo tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 7 Nghị định này vượt quá nguồn lực của địa phương gồm: các nguồn tài chính hợp pháp khác quy định tại điểm c khoản 1 Điều 7 Nghị định này, 50% dự toán dự phòng ngân sách địa phương được Thủ tướng Chính phủ giao đầu năm và 70% số dư đầu năm Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh thì ngân sách trung ương sẽ bổ sung thêm phần chênh lệch để các tỉnh, thành phố có đủ nguồn lực để thực hiện. Ngân

CHÍNH SÁCH - PHÁP LUẬT

sách trung ương đảm bảo kinh phí hỗ trợ cho các cơ quan, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân có hoạt động trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản, sản xuất muối bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật theo mức tối đa quy định tại Nghị định này.

Thiệt hại do thiên tai xảy ra từ ngày 1/9/2024 chưa được nhận hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 9/1/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25/2/2025. Nghị định này thay thế Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 9/1/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh. Các quy định về hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh động vật tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 9/1/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh cho đến khi có quy định mới của Chính phủ về hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh động vật. **HA**

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CỦA...

(Tiếp theo trang 15)

toàn, bảo mật, phù hợp với hoạt động đặc thù của tín dụng chính sách xã hội.

Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng đội ngũ cán bộ Ngân hàng Chính sách xã hội có năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, có uy tín, phong cách làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, tận tâm, tận tụy phục vụ người dân với phương châm “Thấu hiểu lòng dân, tận tâm phục vụ”, để thực hiện tốt công tác tín dụng chính sách xã hội trong tình hình mới.

Nghiên cứu cơ chế, chính sách cụ thể để khuyến khích mạnh mẽ mô hình tín dụng chính sách, nhất là sự tham gia của cộng đồng, các doanh nghiệp xã hội, doanh nghiệp không vì mục tiêu lợi nhuận; khuyến khích phát triển các nền tảng số cho tín dụng chính sách, kiểm soát tín dụng đen một cách hiệu quả. **KD**

CHÍNH SÁCH - PHÁP LUẬT

QUY ĐỊNH MỚI VỀ MỨC HƯỞNG BẢO HIỂM Y TẾ NĂM 2025

Vừa qua, Chính phủ ban hành Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 1/1/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành Luật Bảo hiểm y tế (BHYT), đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19/10/2023.

Nghị định số 02/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung quy định về mức hưởng BHYT từ ngày 01/01/2025 đối với các trường hợp quy định tại Điều 22 của Luật BHYT. Cụ thể sau:

(1) Các đối tượng quy định tại các khoản 3, 4, 5, 8, 9, 11, 17 và 20 Điều 3 Nghị định này được hưởng 100% chi phí KBCB theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 22 của Luật BHYT.

(2) Các đối tượng được hưởng 100% chi phí KBCB theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 22 của Luật BHYT và không áp dụng tỷ lệ thanh toán theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 21 của Luật BHYT, bao gồm: Người hoạt động cách mạng trước ngày 1/1/1945; Người hoạt động cách mạng từ ngày 1/1/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh khi điều trị vết thương, bệnh tật tái phát; Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; Trẻ em dưới 6 tuổi.

(3) 100% chi phí KBCB đối với trường hợp chi phí cho một lần KBCB thấp hơn 15% mức lương cơ sở.

(4) 95% chi phí KBCB đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2, các khoản 12, 18 và 19 Điều 3 và các khoản 1, 2 và 5 Điều 4 của Nghị định này.

(5) Lộ trình thực hiện và tỷ lệ mức hưởng khi KBCB ngoại trú

tại cơ sở KBCB cấp cơ bản theo quy định tại điểm e và điểm h khoản 4 Điều 22 của Luật BHYT như sau: Từ ngày 1/1/2025, khi KBCB ngoại trú tại cơ sở KBCB cấp cơ bản đạt số điểm dưới 50 điểm hoặc được tạm xếp cấp cơ bản, người tham gia BHYT được quỹ BHYT thanh toán 100% mức hưởng; Từ ngày 1/7/2026, khi KBCB ngoại trú tại cơ sở KBCB cấp cơ bản đạt số điểm từ 50 điểm đến dưới 70 điểm, người tham gia bảo hiểm y tế được quỹ BHYT thanh toán 50% mức hưởng; Từ ngày 1/7/2026, khi KBCB ngoại trú tại cơ sở KBCB cấp cơ bản mà trước ngày 1/1/2025 đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến tỉnh hoặc tuyến trung ương hoặc tương đương tuyến tỉnh hoặc tuyến trung ương, người tham gia BHYT được quỹ BHYT thanh toán 50% mức hưởng; Từ ngày 1/7/2026, khi KBCB ngoại trú tại cơ sở KBCB cấp chuyên sâu mà trước ngày 1/1/2025 đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến tỉnh hoặc tương đương tuyến tỉnh theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 22 của Luật BHYT, người tham gia BHYT được quỹ BHYT thanh toán 50% mức hưởng.

(6) Trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều này được tính để xác định số tiền cùng chi trả chi phí KBCB trong năm quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22 của Luật BHYT.

(7) Đối với trường hợp người tham gia BHYT đi KBCB theo yêu cầu: Người có thẻ BHYT đi KBCB theo yêu cầu được quỹ BHYT thanh toán phần chi phí KBCB theo phạm vi được hưởng (nếu có) theo quy định tại Điều 22 của Luật BHYT. Phần chi phí chênh lệch giữa giá dịch vụ KBCB theo yêu cầu với mức thanh toán của quỹ BHYT do người bệnh thanh toán cho cơ sở KBCB; Cơ sở KBCB có trách nhiệm bảo đảm về nhân lực, điều kiện chuyên môn, thiết bị y tế, khả năng cung ứng dịch vụ KBCB theo đúng hợp đồng KBCB BHYT đã ký với cơ quan bảo hiểm xã hội và công khai những khoản chi phí mà người bệnh phải chi trả ngoài phạm vi được hưởng và mức hưởng BHYT, phần chi phí chênh lệch và phải thông báo trước cho người bệnh.

(8) Trường hợp người tham gia BHYT thay đổi nhóm đối tượng

quy định tại Điều 12 của Luật BHYT theo các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dẫn đến thay đổi mức hưởng BHYT và phải đổi thẻ BHYT, thông tin về thẻ BHYT thì mức hưởng BHYT mới được tính từ thời điểm thẻ BHYT, thông tin về thẻ BHYT được cấp mới cho người tham gia BHYT có giá trị sử dụng.

Nghị định số 02/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2025. **LP**

CHÍNH SÁCH THUẾ MỚI ÁP DỤNG TỪ THÁNG 2/2025

(1) Thông tư 86/2024/TT-BTC về đăng ký thuế

Ngày 23/12/2024, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư 86/2024/TT-BTC quy định về đăng ký thuế.

Thông tư 86/2024/TT-BTC quy định về đối tượng đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế, cấu trúc mã số thuế theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 30 Luật Quản lý thuế 2019; thủ tục về đăng ký thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Luật Quản lý thuế 2019 và biện pháp thực hiện chức năng quản lý thuế đối với đăng ký thuế.

Theo Thông tư 86/2024/TT-BTC, mã số thuế bao gồm mã số thuế dành cho doanh nghiệp, tổ chức và mã số thuế dành cho hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân. Trong đó: Mã số thuế dành cho doanh nghiệp, tổ chức do cơ quan thuế cấp theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 5 Thông tư 86/2024/TT-BTC; Mã số thuế dành cho hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân là mã số thuế do cơ quan thuế cấp đối với các trường hợp quy định tại điểm a, đ, e, h khoản 4 Điều 5 Thông tư 86/2024/TT-BTC; là số định danh cá nhân do Bộ Công an cấp theo quy định của pháp luật về căn cước đối với trường hợp sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư 86/2024/TT-BTC.

Cấu trúc mã số thuế do cơ quan thuế cấp như sau: N1N2 N3N4N5N6N7N8N9 N10 - N11N12N13. Trong đó: Hai chữ số đầu N1N2 là số phân khoảng của mã số thuế; Bảy chữ số N3N4N5N6N7N8N9 được quy định theo một cấu trúc xác định, tăng dần trong khoảng từ 0000001 đến 9999999; Chữ số N10 là chữ số

CHÍNH SÁCH - PHÁP LUẬT

kiểm tra; Ba chữ số N11N12N13 là các số thứ tự từ 001 đến 999; Dấu gạch ngang (-) là ký tự để phân tách nhóm 10 chữ số đầu và nhóm 3 chữ số cuối.

Lưu ý: Thông tư 86/2024/TT-BTC có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06/02/2025; Mã số thuế do cơ quan thuế cấp cho cá nhân, hộ gia đình, hộ kinh doanh được thực hiện đến hết ngày 30/6/2025; Kể từ ngày 01/7/2025, người nộp thuế, cơ quan quản lý thuế, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc sử dụng mã số thuế theo quy định tại Điều 35 Luật Quản lý thuế 2019 thực hiện sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế.

(2) Thông tư 87/2024/TT-BTC bãi bỏ toàn bộ Thông tư 212/2015/TT-BTC hướng dẫn chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động bảo vệ môi trường quy định tại Nghị định 19/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường

Ngày 24/12/2024, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư 87/2024/TT-BTC bãi bỏ toàn bộ Thông tư 87/2024/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động bảo vệ môi trường quy định tại Nghị định 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, kể từ ngày Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực thi hành.

Thông tư 87/2024/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 10/2/2025.

LP

NGƯỜI LAO ĐỘNG CẦN BIẾT NHỮNG THAY ĐỔI VỀ BHXH 1 LẦN TỪ 01/7/2025

Tham gia Bảo hiểm xã hội (BHXH) từ 01/7/2025 không được rút BHXH 1 lần nếu không thuộc trường hợp quy định

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 70 Luật BHXH 2024 quy định một trong các trường hợp được rút BHXH 01 lần đối với người lao động tham gia BHXH bắt buộc là: (đ) *Người lao động có thời gian đóng*

BHXH trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, sau 12 tháng không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc mà cũng không tham gia BHXH tự nguyện và có thời gian đóng BHXH chưa đủ 20 năm;

Đồng thời tại điểm đ khoản 1 Điều 102 Luật BHXH 2024 cũng quy định một trong các trường hợp được rút BHXH 01 lần đối với người lao động tham gia BHXH tự nguyện là: (đ) *Người lao động có thời gian đóng BHXH trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, sau 12 tháng không tiếp tục đóng BHXH mà chưa đủ 20 năm đóng BHXH.*

Như vậy, người lao động tham gia BHXH từ thời điểm 01/7/2025 trở đi thì không được rút BHXH một lần nếu không thuộc các trường hợp được rút BHXH 1 lần theo quy định.

Thêm đối tượng được rút BHXH 1 lần từ 01/7/2025

Theo Điều 70 và Điều 102 Luật BHXH 2024 đã bổ sung thêm 2 đối tượng được rút BHXH 1 lần từ ngày 1/7/2025, gồm: Người có mức suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; Người khuyết tật đặc biệt nặng.

Người bị bệnh phong không được rút BHXH 1 lần từ 01/7/2025

Cụ thể tại điểm c khoản 1 Điều 60 và điểm c khoản 1 Điều 77 Luật BHXH 2024 thì một trong những trường hợp được hưởng BHXH 01 lần là: (c) *Người đang bị mắc một trong những bệnh nguy hiểm đến tính mạng như ung thư, bại liệt, xơ gan cổ chướng, phong, lao nặng, nhiễm HIV đã chuyển sang giai đoạn AIDS và những bệnh khác theo quy định của Bộ Y tế.*

Tuy nhiên, điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 70 và điểm c khoản 1 Điều 102 Luật BHXH 2024 đã thay đổi quy định này. Theo đó, trường hợp người tham gia BHXH mà có đề nghị thì được hưởng BHXH 01 lần nếu thuộc 01 trong các trường hợp: (b) *Người đang mắc một trong những bệnh ung thư, bại liệt, xơ gan mất bù, lao nặng, AIDS;*

Như vậy, với quy định này đã bỏ đi trường hợp người bị bệnh phong được hưởng BHXH 1 lần, đồng thời thay bệnh xơ gan cổ chướng bằng bệnh xơ gan mất bù.

Mức hưởng BHXH 1 lần từ 01/7/2025

(1) Đối với người tham gia BHXH bắt buộc

Mức hưởng BHXH 1 lần được tính theo số năm đã đóng và căn cứ đóng BHXH nhưng không bao gồm số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng BHXH tự nguyện, cứ mỗi năm được tính như sau: Bằng 1,5 tháng mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH đối với năm đóng trước năm 2014.

Trường hợp có thời gian đóng BHXH trước và sau năm 2014 mà thời gian đóng trước năm 2014 có tháng lẻ thì những tháng lẻ đó được chuyển sang giai đoạn đóng BHXH từ năm 2014 trở đi để tính BHXH 1 lần; Bằng 02 tháng mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH đối với năm đóng từ năm 2014 trở đi; Trường hợp thời gian đóng BHXH chưa đủ một năm thì mức hưởng bằng số tiền đã đóng nhưng không quá 02 tháng mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH.

Riêng đối với các trường hợp sau thì mức hưởng BHXH 1 lần được tính theo số năm đã đóng và căn cứ đóng BHXH bao gồm số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng BHXH tự nguyện; việc tính mức hưởng mỗi năm thực hiện theo quy định trên: Người đang mắc một trong những bệnh ung thư, bại liệt, xơ gan mất bù, lao nặng, AIDS; Người có mức suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; người khuyết tật đặc biệt nặng (Khoản 3, 4 Điều 70 Luật BHXH 2024)

(2) Đối với người tham gia BHXH tự nguyện

Mức hưởng BHXH 1 lần được tính theo số năm đã đóng và căn cứ đóng BHXH, cứ mỗi năm được tính như sau: Bằng 1,5 lần của mức bình quân thu nhập tháng đóng BHXH đối với năm đóng trước năm 2014.

Trường hợp thời gian đóng BHXH có cả trước và sau năm 2014 mà thời gian đóng trước năm 2014 có tháng lẻ thì những tháng lẻ đó được chuyển sang giai đoạn đóng BHXH từ năm 2014 trở đi để tính mức hưởng BHXH 1 lần; Bằng 02 lần của mức bình quân

(Xem tiếp trang 40)

DÂN SỐ - PHÁT TRIỂN

CHÍNH SÁCH DÂN SỐ PHÁT TRIỂN ĐI VÀO CUỘC SỐNG

Dân số là yếu tố quan trọng hàng đầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Công tác dân số (CTDS) là nhiệm vụ chiến lược, vừa cấp thiết vừa lâu dài; là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân. Trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay, Việt Nam tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển.

Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước, Chính phủ luôn quan tâm đến CTDS và đã ban hành nhiều văn bản quan trọng để định hướng cho công tác này...; Việc đưa chính sách dân số phát triển đi vào cuộc sống đã nhận được sự quan tâm của cả hệ thống chính trị, được các cấp, các ngành, các địa phương tập trung triển khai thực hiện và nhận được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân. Nhờ đó, công tác dân số đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, đóng góp vào những thành tựu chung của đất nước.

Nghị quyết số 04-NQ/HNTW ngày 14/01/1993 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa VII đã ban hành về Chính sách Dân số - KHHGĐ đã đưa ra mục tiêu tổng quát thực hiện gia đình ít con, khỏe mạnh, tạo điều kiện để có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Theo đó, mục tiêu cụ thể mỗi gia đình chỉ có một hoặc hai con, để tới năm 2015 bình quân trong toàn xã hội mỗi gia đình (một cặp vợ chồng) có 2 con, tiến tới ổn định quy mô dân số từ giữa thế kỷ XXI. Tập trung mọi nỗ lực nhằm tạo chuyển biến rõ rệt ngay trong thập kỷ 90.

Sau 25 năm thực hiện Nghị quyết và các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, CTDS và KHHGĐ đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần to lớn vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tốc độ gia tăng dân số đã được khống chế thành công, đạt mức sinh thay thế sớm 10 năm so với mục tiêu Nghị quyết đề ra; Cơ cấu dân số chuyển dịch tích cực. Dân số trong độ tuổi lao động tăng mạnh. Từ năm 2007, nước ta bước vào thời kỳ dân số vàng.

Chất lượng dân số được cải thiện về nhiều mặt. Tuổi thọ trung bình tăng nhanh, đạt 73,4 tuổi năm 2016, cao hơn nhiều nước có cùng mức thu nhập bình quân đầu người. Tình trạng suy dinh dưỡng, tử vong bà mẹ, trẻ em giảm mạnh. Tầm vóc, thể lực người Việt Nam có

bước cải thiện. Dân số đã có sự phân bố hợp lý hơn, gắn với quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Công tác tuyên truyền, giáo dục, nhận thức về dân số và kế hoạch hóa gia đình của các cấp, các ngành và toàn dân có bước đột phá. Mỗi cặp vợ chồng có 2 con đã trở thành chuẩn mực, lan tỏa, thấm sâu trong toàn xã hội. Dịch vụ dân số và KHHGD được mở rộng, chất lượng ngày càng cao. Từ những kết quả đạt được, năm 1999, Liên Hợp Quốc đã tặng Giải thưởng Dân số cho Việt Nam.

Ngày 25/10/2017, Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về CTDS trong tình hình mới đã khẳng định phương hướng chiến lược mới cho CTDS của Việt Nam. Theo đó, chuyển trọng tâm chính sách dân số từ KHHGD sang dân số và phát triển. CTDS phải chú trọng toàn diện các mặt quy mô, cơ cấu, phân bố, đặc biệt là chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ hữu cơ với các yếu tố kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo đảm phát triển nhanh, bền vững. Nghị quyết số 21-NQ/TW đã chỉ ra đúng và trúng phương hướng giải quyết những vấn đề dân số nổi bật ở nước ta hiện nay và trong tương lai. Nghị quyết số 21-NQ/TW đặt mục tiêu đến năm 2030 số nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90%; giảm 50% số cặp tảo hôn, giảm 60% số cặp hôn nhân cận huyết thống; 70% phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh, tật bẩm sinh phổ biến nhất; 90% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất. Tuổi thọ bình quân của người Việt sẽ đạt 75 tuổi; 100% người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung.

Tới năm 2030, chiều cao của nam 18 tuổi sẽ đạt 168,5cm, nữ 157,5cm. Chỉ số phát triển con người (HDI) nằm trong nhóm 4 nước hàng đầu khu vực Đông Nam Á.

Để hiện thực hóa Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 2/9/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1092/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình Sức khỏe Việt Nam. Mục tiêu của Chương trình là xây dựng môi trường hỗ trợ, tăng cường năng lực cho mỗi người dân; thực hiện tốt công tác quản lý, chăm sóc sức khỏe toàn diện để nâng cao

sức khỏe tâm vóc, tuổi thọ và chất lượng cuộc sống của người Việt Nam. Chương trình được triển khai trên quy mô toàn quốc từ năm 2018 đến năm 2030, tập trung vào 11 lĩnh vực chia làm 03 nhóm: Nâng cao sức khỏe; Bảo vệ sức khỏe và phòng bệnh; Chăm sóc sức khỏe ban đầu, kiểm soát bệnh tật.

Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW. Mục đích Nghị quyết số 137/NQ-CP là xác định rõ các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu để các Bộ, ngành, địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch hành động, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW; Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, hành động của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, của cả hệ thống chính trị và nhân dân đối với CTDS trong tình hình mới; Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, quản lý thống nhất của Nhà nước trong việc tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách dân số từ KHHGD sang dân số và phát triển. Đồng thời đưa ra nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cho các đơn vị liên quan.

Có thể thấy, các chính sách dân số đi vào cuộc sống đã giúp cho CTDS đạt được những kết quả đáng tự hào. Theo Tổng cục Thống kê, dân số trung bình của Việt Nam năm 2023 là 100,3 triệu người và là quốc gia thứ 15 trên thế giới có dân số hơn 100 triệu người. Chất lượng dân số được cải thiện, mức sinh giảm mạnh và cơ bản duy trì mức sinh thay thế từ năm 2005 trở lại đây. Tỷ lệ tử vong vẫn duy trì ở mức thấp, tuổi thọ trung bình tăng do những thành tựu phát triển của y học và công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được cải thiện. Năm 2023, tuổi thọ trung bình của dân số cả nước là 73,7 tuổi. Chất lượng dân số được cải thiện về mặt thể chất, trình độ văn hóa, sức khỏe sinh sản, giảm tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết. Theo Kết quả Điều tra biến động dân số và Kế hoạch hóa gia đình thời điểm 01/4/2023, tổng tỷ suất sinh năm 2023 đạt 1,96 con/phụ nữ. Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh là 112 bé trai/100 bé gái. Kết quả Tổng điều tra dinh dưỡng toàn quốc 2017-2020 cho thấy, chiều cao đạt được của thanh niên Việt Nam 18 tuổi năm 2020 đạt 168,1cm (tăng 3,7cm so với năm 2010: 164,4cm), nữ năm 2020 đạt 156,2cm (năm 2010: 154,8cm)....

BT

SỨC KHỎE - ĐỜI SỐNG

PHÒNG, CHỐNG BỆNH TRUYỀN NHIỄM NĂM 2025

Vừa qua, Cục Y tế dự phòng ban hành Công văn 62/DP-DT ngày 23/1/2025 triển khai kế hoạch phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2025. Theo đó, để thực hiện Kế hoạch phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2025 được ban hành tại Quyết định số 270/QĐ-BYT năm 2025, Cục Y tế dự phòng trân trọng đề nghị các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế và Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo tổ chức triển khai một số nội dung được quy định cụ thể tại Công văn 62/DP-DT năm 2025 như sau:

(1) Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị của Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Y tế về công tác y tế, công tác phòng, chống bệnh truyền nhiễm, đảm bảo việc tổ chức và đón Tết Nguyên đán Ất Tỵ 2025 vui tươi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm; chỉ đạo triển khai việc tăng cường công tác phòng, chống bệnh truyền nhiễm dịp Tết Nguyên đán và mùa lễ hội năm 2025 theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại Công văn 268/BYT-DP năm 2025.

(2) Các đơn vị, địa phương chỉ đạo tổ chức triển khai các nhiệm vụ được phân công và theo dõi, giám sát việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2025. Tổ chức theo dõi, giám sát chặt chẽ tình hình các bệnh truyền nhiễm, nhất là viêm phổi nặng do vi rút, các bệnh lây qua đường hô hấp và các bệnh truyền nhiễm phổ biến như sởi, sốt xuất huyết, tay chân miệng, bệnh dại, cúm gia cầm... Tăng cường công tác kiểm dịch y tế biên giới và chủ động triển khai hiệu quả hoạt động giám sát phát hiện sớm các trường hợp mắc bệnh, nghi ngờ mắc bệnh tại cửa khẩu, trong cộng đồng, tại các cơ sở y tế để xử lý kịp thời, kiểm soát sự lây lan và hạn chế các trường hợp bệnh nặng, tử vong. Đảm bảo tổ chức thực hiện tiêm chủng mở rộng đúng tiến độ và triển khai hiệu quả chiến dịch tiêm chủng phòng, chống dịch sởi để nhanh chóng kiểm soát tình hình.

(3) Sở Y tế các tỉnh, thành phố tham mưu UBND tỉnh, thành phố sớm ban hành Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm năm 2025; bố trí kinh phí và ban hành định mức kinh tế kỹ thuật, giá dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng theo thẩm quyền để chủ động

tổ chức triển khai công tác phòng, chống bệnh truyền nhiễm kịp thời, hiệu quả ngay từ đầu năm; Cục Y tế dự phòng trân trọng đề nghị các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế và Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo tổ chức triển khai.

Các chính sách của Nhà nước về phòng, chống bệnh truyền nhiễm được quy định cụ thể tại Điều 5 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm 2007 bao gồm: Ưu tiên, hỗ trợ đào tạo chuyên ngành y tế dự phòng; Ưu tiên đầu tư nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, hệ thống giám sát phát hiện bệnh truyền nhiễm, nghiên cứu sản xuất vắc xin, sinh phẩm y tế; Hỗ trợ, khuyến khích nghiên cứu khoa học, trao đổi và đào tạo chuyên gia, chuyển giao kỹ thuật trong phòng, chống bệnh truyền nhiễm. Hỗ trợ điều trị, chăm sóc người mắc bệnh truyền nhiễm do rủi ro nghề nghiệp và trong các trường hợp cần thiết khác. Hỗ trợ thiệt hại đối với việc tiêu hủy gia súc, gia cầm mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm theo quy định của pháp luật. Huy động sự đóng góp về tài chính, kỹ thuật và nhân lực của toàn xã hội trong phòng, chống bệnh truyền nhiễm. Mở rộng hợp tác với các tổ chức quốc tế, các nước trong khu vực và trên thế giới trong phòng, chống bệnh truyền nhiễm. **XH**

PHÒNG NGỪA VÀ KIỂM SOÁT ĐẠI DỊCH TRONG TƯƠNG LAI

Hiện nay, tình hình bệnh truyền nhiễm còn diễn biến phức tạp, tác nhân gây bệnh liên tục biến đổi, các bệnh truyền nhiễm nói chung luôn diễn biến khó lường, khó dự báo. Bối cảnh toàn cầu hóa ngày càng phát triển, tình trạng ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, thiên tai, lụt bão, đô thị hóa và di dân gia tăng làm cho các đợt bùng phát dịch bệnh ngày càng gia tăng và nguy cơ xảy ra đại dịch luôn hiện hữu...

Tại Việt Nam, trong năm 2024 tình hình các bệnh truyền nhiễm trên phạm vi cả nước cơ bản được kiểm soát; các bệnh truyền nhiễm lưu hành như sốt xuất huyết, tay chân miệng, sốt rét giảm mạnh so với năm 2023; không ghi nhận các trường hợp mắc các bệnh nguy hiểm nhóm A (Ebola, MERS-CoV, cúm A/H7N9) xâm nhập vào Việt Nam.

Năm 2024, cơn bão Yagi lớn nhất từ trước đến nay đã gây ra nhiều hậu quả nặng nề, nhưng công tác phòng, chống dịch bệnh đã

được chuẩn bị sẵn sàng, chủ động nên đã kiểm soát tốt các bệnh truyền nhiễm thường xảy ra sau thiên tai, bão lũ; không để xảy ra các ổ dịch lớn tại các địa bàn bị ảnh hưởng. Mặc dù vậy, năm 2024, trên toàn quốc, một số bệnh truyền nhiễm có số ca mắc tăng cao như sởi, ho gà, đại; một số bệnh như sốt xuất huyết, bạch hầu tăng cao cục bộ tại một vài địa phương. Để tiếp tục chủ động công tác phòng, chống bệnh truyền nhiễm, Bộ Y tế phối hợp chặt chẽ với Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Giáo dục và Đào tạo, cũng như các bộ, ban, ngành, địa phương, các cơ quan, tổ chức quốc tế và cộng đồng xã hội khẩn trương tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ về y tế dự phòng, y tế cơ sở và phòng chống bệnh truyền nhiễm. Bộ Y tế đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quan tâm, chỉ đạo việc chủ động tổ chức triển khai sớm, hiệu quả kế hoạch phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm năm 2025 và nâng cao năng lực y tế dự phòng, dự báo, giám sát và phát hiện dịch bệnh sớm, không chế kịp thời, có hiệu quả các dịch bệnh, các sự kiện khẩn cấp về y tế công cộng; đồng thời chỉ đạo việc nâng cao vai trò, trách nhiệm của chính quyền các cấp trong phòng, chống bệnh truyền nhiễm, chuẩn bị các phương án ứng phó với các tình huống xảy ra của dịch bệnh; đảm bảo nguồn lực, kinh phí tổ chức thực hiện và huy động các ban, ngành, đoàn thể, chính quyền địa phương các cấp và các tổ chức chính trị xã hội chủ động tham gia công tác phòng, chống bệnh truyền nhiễm.

Để chung tay xây dựng một Việt Nam khỏe mạnh hơn, người dân cần nâng cao ý thức và chủ động các biện pháp phòng bệnh cá nhân, thường xuyên rửa tay bằng xà phòng, nước rửa tay diệt khuẩn, dinh dưỡng đầy đủ, thực hiện lối sống lành mạnh để phòng, tránh mắc các bệnh truyền nhiễm.

Tiếp tục thực hiện thông điệp truyền thông hưởng ứng ngày quốc tế phòng, chống dịch bệnh năm 2024:

Toàn dân, toàn xã hội cùng tham gia phòng, chống bệnh truyền nhiễm;

Không chủ quan, lơ là, mất cảnh giác;

Chủ động phòng bệnh từ sớm, từ xa;

SỨC KHỎE - ĐỜI SỐNG

Phòng, chống bệnh truyền nhiễm để bảo vệ sức khoẻ cho bản thân, gia đình và cộng đồng xã hội;

Thường xuyên rửa tay bằng xà phòng dưới vòi nước để phòng, chống các bệnh truyền nhiễm;

Ăn chín, uống sôi, an toàn thực phẩm để phòng, chống dịch bệnh;

Thường xuyên vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường nơi ở, nơi sinh hoạt và làm việc để ngăn ngừa các mầm bệnh truyền nhiễm phát triển;

Tiêm vắc xin là biện pháp hiệu quả để dự phòng bệnh truyền nhiễm lây lan và hạn chế tình trạng bệnh chuyển biến nặng, tử vong;

Quan hệ tình dục an toàn để phòng, chống bệnh lây truyền qua đường tình dục;

Thực hiện lối sống khoa học, dinh dưỡng đầy đủ, tập luyện thường xuyên để tăng cường sức đề kháng;

Không tiếp xúc động vật ốm, chết và không sử dụng thực phẩm không an toàn;

Phòng, chống bệnh truyền nhiễm mùa đông xuân: giữ ấm cơ thể bảo vệ sức khoẻ;

Không tự ý mua, sử dụng kháng sinh khi điều trị bệnh;

Khi có dấu hiệu mắc bệnh, đến ngay cơ sở y tế gần nhất để được thăm khám kịp thời;

Đeo khẩu trang khi đến cơ sở y tế, trên các phương tiện công cộng, tại các địa điểm tập trung đông người;

Để phòng bệnh sởi, hãy đưa trẻ đi tiêm phòng vắc xin sởi đầy đủ và đúng lịch;

Vắc xin sởi là vắc xin an toàn, thường chỉ có phản ứng nhẹ sau tiêm như sốt, nổi ban; sẽ tự khỏi sau vài ngày;

Cần đưa trẻ tới cơ sở y tế nếu có biểu hiện khác thường như sốt cao $>39^{\circ}\text{C}$, quấy khóc kéo dài, tím tái, khó thở hay bú kém, bỏ bú sau khi tiêm chủng;

Khi bị chó, mèo cắn cần xử lý vết thương đúng cách và đến ngay cơ sở y tế để được khám, tư vấn, hướng dẫn tiêm phòng dại;

Khi bị chó, mèo cắn; tuyệt đối không tự chữa trị, không nhờ thầy lang chữa bệnh.

LN

AN NINH - TRẬT TỰ

CHÍNH SÁCH MỚI VỀ THAY ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE NĂM 2025

Theo Thông tư số 35/2024 quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe (GPLX) vừa được Bộ Giao thông vận tải (GTVT) ban hành, từ ngày 1/1/2025, người lái ô tô điện sẽ được đào tạo và cấp GPLX hạng B tương tự bằng lái xe số tự động.

Loại giấy phép cho những người lái sẽ ghi hạng B nêu rõ “học xe chuyển số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện)”. Cụ thể, quy định chương trình và tổng thời gian đào tạo của người lái ô tô điện sẽ giống như xe số tự động là 203 giờ, trong khi người học lái xe số sàn cần thời gian dài hơn là 235 giờ.

Về học lý thuyết, người học lái ô tô điện và lái xe số tự động sẽ có cùng thời gian học trong 136 giờ. Nội dung học lý thuyết bao gồm các nội dung: Pháp luật về giao thông đường bộ; cấu tạo và sửa chữa thông thường; văn hóa giao thông; kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; kỹ thuật lái xe; học phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông.

Về thời gian học thực hành, người học lái ô tô điện, xe số tự động sẽ thực hành tổng thời gian là 67 giờ. Trong đó, thời gian trên sân tập lái bằng với thời gian của xe số sàn là 41 giờ, lái xe trên đường 24 giờ, học thực hành trên ca bin học lái xe ô tô/01 học viên trong 2 giờ. Tổng quãng đường đào tạo thực hành của học viên ô tô điện là 1.000 km, còn xe số sàn là 1.100 km.

Thông tư 35 cũng quy định người có GPLX chỉ được lái loại xe ghi trong giấy. Nếu người có GPLX hạng B số tự động chỉ được điều khiển xe số tự động hoặc xe điện và sẽ không được điều khiển xe số sàn.

Cấp đổi: Từ 01/01/2025, người có GPLX được đổi, cấp lại GPLX trong các trường hợp: Giấy phép lái xe bị mất; Giấy phép lái xe bị hỏng không còn sử dụng được; Trước thời hạn ghi trên GPLX; Thay đổi thông tin ghi trên GPLX; GPLX nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp còn giá trị sử dụng; GPLX do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cấp khi có yêu cầu hoặc người được cấp

không còn làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Khuyến khích đổi GPLX không thời hạn được cấp trước ngày 01/7/2012 sang GPLX mẫu mới từ 01/01/2025. (GPLX trước tháng 7/2012 là dạng giấy bìa, sau thời điểm trên là dạng PET).

Thay đổi phân hạng GPLX: Theo Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ 2025, từ năm 2025 GPLX sẽ tăng lên 15 hạng là A1, A, B1, B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE, còn hiện nay theo Luật Giao thông đường bộ 2008 chỉ có 13 hạng gồm A1, A2, A3, A4, B1, B2, C, D, E, FB2, FD, FC và FE.

Mỗi GPLX sẽ có 12 điểm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ 2024, từ 01/01/2025, mỗi bằng lái xe sẽ có 12 điểm. Trong quá trình tham gia giao thông, tài xế khi vi phạm các quy định về luật an toàn giao thông sẽ bị trừ từ 02 - 12 điểm tùy vào tính chất, mức độ vi phạm.

Nếu bằng lái xe bị trừ hết điểm thì người lái xe bắt buộc phải thi lại và phải đợi ít nhất 06 tháng sau mới được tham gia kiểm tra nội dung kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Thay đổi thời hạn của GPLX: Do có sự thay đổi trong phân hạng GPLX nên thời hạn cũng có sự thay đổi. Cụ thể: GPLX hạng A1, A, B1: Không có thời hạn; GPLX hạng B, hạng C1: Thời hạn 10 năm kể từ ngày cấp; GPLX hạng C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E và DE: Thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

Thay đổi độ tuổi được phép lái xe: Song song với sự thay đổi của phân cấp hạng GPLX, Điều 59 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ cũng quy định về độ tuổi của người lái xe như sau:

Đủ 16 tuổi trở lên: Điều khiển xe gắn máy (quy định cũ là xe gắn máy có dung tích xi-lanh dưới 50 cm³).

Đủ 18 tuổi trở lên, được cấp GPLX hạng A1, A, B1, B, C1 và cấp chứng bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ: Lái xe máy chuyên dùng (*quy định cũ chỉ yêu cầu đáp ứng điều kiện đủ 18 tuổi là được lái xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi-lanh từ 50 cm³ trở lên và các loại xe có kết cấu tương tự; xe ô tô tải, máy kéo có*

trọng tải dưới 3.500 kg; xe ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi)

Đủ 21 tuổi trở lên: Cấp GPLX hạng C, BE (quy định cũ là được lái xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải từ 3.500 kg trở lên; lái xe hạng B2 kéo rơ moóc (FB2)).

Đủ 24 tuổi trở lên: Cấp GPLX hạng D1, D2, C1E, CE (quy định cũ được lái xe ô tô chở người từ 10 đến 30 chỗ ngồi; lái xe hạng C kéo rơ moóc, sơ mi rơ moóc (FC)).

Đủ 27 tuổi trở lên: Cấp GPLX hạng D, D1E, D2E, DE (quy định cũ được lái xe ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi; lái xe hạng D kéo rơ moóc FD).

Đồng thời, điểm e khoản 1 Điều 59 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ giới hạn độ tuổi cao nhất và thấp nhất được lái xe gồm: tại điểm e quy định “*Tuổi tối đa của người lái xe ô tô chở người (kể cả xe buýt) trên 29 chỗ (không kể chỗ của người lái xe), xe ô tô chở người giường nằm là đủ 57 tuổi đối với nam, đủ 55 tuổi đối với nữ*”.

Trong khi đó, điểm e khoản 1 Điều 60 Luật Giao thông đường bộ 2008 quy định: tại điểm e quy định e quy định “*tuổi tối đa của người lái xe ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi là 50 tuổi đối với nữ và 55 tuổi đối với nam*”.

GPLX ô tô quá hạn 01 ngày cũng phải thi lại lý thuyết

Theo khoản 2 Điều 34 Thông tư 35/2024/TT-BGTVT quy định về người có GPLX các hạng B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE quá thời hạn sử dụng như sau: Quá hạn dưới 01 năm kể từ ngày hết hạn: Phải thi lại lý thuyết để cấp GPLX; Quá hạn từ 01 năm trở lên kể từ ngày hết hạn: Phải thi cả lý thuyết, thực hành lái xe trong hình và trên đường để cấp bằng.

Trong khi đó Luật trật tự an toàn giao thông đường bộ 2024 cũng quy định, người dân được đổi, cấp lại GPLX trước thời hạn ghi trên GPLX. Điều này cũng có nghĩa là nếu thời hạn bằng lái xe quá hạn dù chỉ 01 ngày thì khi muốn đổi sang GPLX mới cũng sẽ phải sát hạch lại.

HTL

CẢNH BÁO CHIÊU TRÒ LỪA ĐẢO MỚI KIỂM SOÁT ĐIỆN THOẠI

Theo Cục An toàn thông tin (Bộ Thông tin và Truyền thông), thời gian gần đây, các cảnh báo về phương thức kiểm soát số điện thoại từ số tài khoản ngân hàng lan truyền rộng rãi trên mạng xã hội, tiềm ẩn nguy cơ lộ lọt thông tin cá nhân.

Bằng cách thử đăng nhập trên website của ngân hàng và nhập sai nhiều lần, các đối tượng sẽ khiến tài khoản của nạn nhân bị khóa. Khi đó, chúng sẽ giả danh người của ngân hàng gọi điện đến, dụ người dùng vào đường dẫn nhằm tải ứng dụng giả mạo.

Khi bị khóa tài khoản, người dùng ít kinh nghiệm sẽ dễ hoảng loạn và tin theo lời kẻ gian. Họ có thể cung cấp cho nhóm lừa đảo một số thông tin cá nhân, thông tin đăng nhập hoặc bị dụ cài phần mềm độc hại. Những mã độc này sau khi thâm nhập vào máy có thể yêu cầu cấp quyền truy cập sâu vào thiết bị, từ đó kẻ gian chiếm quyền điều khiển thiết bị và đánh cắp dữ liệu, theo dõi thiết bị từ xa, chiếm đoạt thông tin nhạy cảm như mật khẩu, mã OTP, chuyển tiền bằng khuôn mặt sinh trắc học trên điện thoại của người dùng.

Đây là chiêu trò mới, tinh vi và chuyên nghiệp, việc số tài khoản và số điện thoại thường được nhiều người công khai, có thể dùng chung hai số hoặc email để đăng nhập. Ngoài ra, thông tin này cũng được rao bán trên “chợ đen” dữ liệu và có nhiều cách để thu thập.

Trước thông tin trên, Cục An toàn thông tin khuyến cáo người dùng cần lưu ý, khi gặp vấn đề về tài khoản ngân hàng, nên ra quầy thực hiện trực tiếp hoặc chủ động liên hệ qua kênh chăm sóc khách hàng chính thức của ngân hàng. Người dùng tuyệt đối không truy cập vào các đường dẫn lạ hoặc tải về ứng dụng không rõ nguồn gốc; không cung cấp thông tin cá nhân, thông tin tài khoản ngân hàng, mã OTP dưới mọi hình thức.

Trong trường hợp nghi ngờ bản thân bị lừa đảo, người dân cần ngay lập tức báo cáo cho ngân hàng hoặc cơ quan chức năng để được hỗ trợ, giải quyết và ngăn chặn kịp thời.

Phương Nhi

NGƯỜI LAO ĐỘNG CẦN BIẾT...

(Tiếp theo trang 28)

thu nhập tháng đóng BHXH đối với năm đóng từ năm 2014 trở đi; Trường hợp thời gian đóng BHXH chưa đủ một năm thì mức hưởng bằng số tiền đã đóng nhưng không quá 02 lần của mức bình quân thu nhập làm căn cứ đóng BHXH.

Mức hưởng BHXH 1 lần của đối tượng được Nhà nước hỗ trợ thực hiện theo quy định trên không bao gồm số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng BHXH tự nguyện, trừ trường hợp: Người đang mắc một trong những bệnh ung thư, bại liệt, xơ gan mất bù, lao nặng, AIDS; Người có mức suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; người khuyết tật đặc biệt nặng (Khoản 2, 3 Điều 102 Luật BHXH 2024).

LP

HỘP THƯ VÀ CHỦ ĐỀ BẢN TIN PHỤC VỤ NHÂN DÂN THÁNG 03/2025

* **Hộp thư:** Trong tháng 2, Ban Biên tập đã nhận được tin, bài của các tác giả: Lan Nhi, Lan Phương, Hoài An, Duy Hiến ... Xin chân thành cảm ơn và rất mong tiếp tục nhận được sự cộng tác của các đồng chí.

* **Chủ đề trọng tâm trong tháng 3/2025**

- Tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn và sự kiện quan trọng của đất nước, của tỉnh, các sở ngành, địa phương, đơn vị trong tháng 3 và đầu tháng 4/2025; Trọng tâm tuyên truyền Ngày giải phóng Bình Phước (23/3/1975-23/3/2025); Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2025).

- Tuyên truyền về: Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; các tập thể, cá nhân điển hình, tiêu biểu trong học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh; Đưa nghị quyết vào cuộc sống.

- Phổ biến kiến thức về: Công tác phòng, chống dịch bệnh; Nông nghiệp - nông thôn; Chính sách - Pháp luật; Dân số - Phát triển; Sức khỏe - Đời sống; An ninh - Trật tự...

* **Tin, bài, ảnh:** Gửi file word trực tiếp về số điện thoại zalo 0987.005.439 của đồng chí Nguyễn Thị Kim Dung - Thành viên Ban Biên tập, Phòng Thông tin - Tổng hợp, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Phước.

BBT